

Bản án số: 07/2019/HNGĐ - ST
Ngày 11-7-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Duy.
2. Bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị P, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Hồng T, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh Trịnh Hồng T ngày 25-01-2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn vợ chồng

chung sống hòa thuận chỉ được khoảng bảy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình nên hay ghen tuông vô cớ và luôn chửi bới xúc phạm chị, thậm chí anh T còn đến tận cơ quan nơi chị công tác để gây rối và vu khống, tạo áp lực vô cùng nặng nề đối với chị. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng tháng 9-2018 chị đã bỏ về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị, anh chị ly thân nhau từ đó đến nay không còn gặp gỡ, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Hồng T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Trịnh Hồng T trình bày: Về thời gian, điều kiện anh kết hôn với chị Dương Thị P đúng như chị P đã trình bày. Anh T xác định sau khi kết hôn anh và chị P chung sống hòa thuận với nhau đến giữa năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện chị P có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên bảo để chị P từ bỏ mối quan hệ bất chính đó và quay về xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị P không nghe nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng gay gắt. Từ khoảng tháng 9-2018 chị P đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ và không quay về chung sống với anh nữa. Nay anh T xác định mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ gần một năm nay, tình cảm vợ chồng giữa anh với chị P không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn chị P, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái.

Về con chung: Chị P và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Trịnh Trọng H, sinh ngày 10-11-2015, hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng và Trịnh Minh K, sinh ngày 26-02-2019, hiện nay đang do chị P nuôi dưỡng. Anh chị đều thống nhất quan điểm nếu vợ chồng ly hôn sẽ giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị P, anh T thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo, các bước tiến hành của Hội đồng xét xử đều thực

hiện đúng quy định; Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị P và anh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Dương Thị P và anh Trịnh Hồng T. Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh K, sinh ngày 26-02-2019 cho chị P nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Trọng H, sinh ngày 10-11-2015 cho anh T nuôi dưỡng, chị P và anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị P phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị P và anh Trịnh Hồng T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 25-01-2014 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T nghi ngờ chị P có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên anh hay ghen tuông, chửi bới, xúc phạm chị P thậm tệ, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù chính quyền, đoàn thể địa phương đã nhiều lần kết hợp cùng gia đình hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 9-2018 đến nay anh chị đã ly thân nhau mỗi người một nơi, không còn gặp gỡ, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T; còn anh T mặc dù không đồng ý ly hôn chị P nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã xảy ra rất căng thẳng và thực tế anh chị đã ly thân nhau từ gần một năm nay, tình cảm vợ chồng giữa anh với chị P không còn nữa. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị P và anh T thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị P được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị P và anh T có hai con chung tên là Trịnh Trọng H, sinh ngày 10-11-2015, hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng và Trịnh Minh K, sinh ngày 26-02-2019, hiện nay đang do chị P nuôi dưỡng. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn sẽ giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét sự thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm*: Chị P, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết đối với những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Dương Thị P và anh Trịnh Hồng T.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị P được quyền nuôi dưỡng cháu Trịnh Minh K, sinh ngày 26-02-2019. Giao cho anh Trịnh Hồng T được quyền nuôi dưỡng cháu Trịnh Trọng H, sinh ngày 10-11-2015. Chị P và anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị P, anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung của anh và chị.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002417 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Chị P đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS H. Bình Lục;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ